TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ BUÔN HỒ** **TỈNH ĐẮK LẮK** Bản án số: 05 /2024/DS-ST Ngày: 13 - 5 - 2024 V/v: "Tranh chấp hợp đồng tín dụng"	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ BUÔN HỒ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Bá Nhất
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Y Dhiệu Hmok
2. Bà Nguyễn Thị Quỳnh Hải

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Tuyết Nga - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Buôn Hồ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Buôn Hồ tham gia phiên toà: Ông Từ Quốc Quyền - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 5 năm 2024 tại Phòng xử án - Tòa án nhân dân thị xã Buôn Hồ, tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 151/2023/TLST- DS ngày 20 tháng 12 năm 2023, về việc: "Tranh chấp hợp đồng tín dụng"; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2024/QĐXX-ST, ngày 02 tháng 4 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 05/2024/QĐST-DS, ngày 23 tháng 4 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ

Địa chỉ: A P, phường C, quận P, thành phố Hồ Chí Minh.

- Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Thanh T – Chức vụ: Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Văn T1 – Chức vụ: Giám đốc PGD

(Theo Quyết định ủy quyền số 852/QĐ-DAB-PC ngày 05/6/2020)

Người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng: Bà Huỳnh Thị Yến N – Nhân viên phát triển kinh doanh Ngân hàng TMCP Đ. Có mặt

2. Bị đơn: Ông Phạm Văn T2, sinh năm 1984; địa chỉ: Tổ dân phố T, phường A, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk. Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:*

Vào ngày 19/10/2016 ông Phạm Văn T2 có ký hợp đồng tín dụng với hàng TMCP Đ Chi nhánh Đ1 – Đ (sau đây tắt là D), theo đợt vay số 039337001T18013 với nội dung chi tiết như sau: Tổng hạn mức cấp tín dụng: 20.000.000 VND (Bằng chữ: Hai mươi triệu đồng), lãi suất: 9%/năm, lãi suất quá hạn: 13,5% (Gấp 1,5 lần lãi trong hạn), thời hạn vay: 18 tháng từ 19/10/2016 đến 19/04/2018, mục đích vay: Tiêu dùng, hình thức bảo đảm nợ vay: Tín chấp.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, ông Phạm Văn T2 đã trả cho Ngân hàng số tiền 11.430.000đ (trong đó bao gồm: Tiền gốc là 9.681.578 đồng, tiền lãi là 1.748.422 đồng). Tính đến ngày 13 tháng 5 năm 2024, ông Phạm Văn T2 còn nợ Ngân hàng tổng số tiền là 19.814.236 đồng (Mười chín triệu tám trăm mười bốn ngàn hai trăm ba mươi sáu đồng), trong đó: Nợ gốc 10.318.422 đồng, nợ lãi 9.495.814 đồng, trong đó lãi trong hạn: 951.578 đồng, lãi quá hạn 8.544.236 đồng. Buộc ông Phạm Văn T2 phải tiếp tục trả tiền lãi suất phát sinh từ ngày 14 tháng 5 năm 2024 cho đến khi thanh toán hết nợ theo mức lãi suất trong Hợp đồng tín dụng mà các bên đã thỏa thuận.

* Quá trình điều tra thu thập tài liệu chứng cứ, ông Phạm Văn T2 đã lẩn tránh, không hợp tác nên không ghi nhận được ý kiến của ông Phạm Văn T2 đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Buôn Hồ phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán: Thẩm phán đã thực hiện đầy đủ, đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự tại khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 về thẩm quyền của Tòa án; Điều 191, Điều 195 và Điều 196 về thủ tục nhận và xử lý đơn khởi kiện, thụ lý vụ án và Thông báo thụ lý vụ án, Điều 203 về thời hạn chuẩn bị xét xử và Quyết định đưa vụ án ra xét xử.

- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký phiên tòa: HĐXX và thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về xét xử sơ thẩm vụ án dân sự.

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định tại Điều 70, Điều 71 và Điều 86 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn vi phạm Điều 70 và Điều 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự (Không chấp hành theo giấy triệu tập của Tòa án).

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Căn cứ các Điều 463, 466 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 91 và 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ, buộc ông Phạm Văn T2 có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng tổng số tiền 19.814.236 đồng (Mười chín triệu tám trăm mười bốn ngàn hai trăm ba mươi sáu đồng), trong đó: Nợ gốc 10.318.422 đồng, nợ lãi 9.495.814 đồng, trong đó lãi trong hạn: 951.578 đồng, lãi quá hạn 8.544.236 đồng. Đồng thời, cần buộc ông Phạm Văn T2 phải tiếp tục trả số tiền lãi phát sinh trên số nợ gốc kể từ ngày 14 tháng 5 năm 2024 cho đến khi trả hết nợ vay theo mức lãi suất đã thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng đã ký kết. Ngoài ra, ông Phạm Văn T2 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đây là vụ án "Tranh chấp hợp đồng tín dụng". Việc Tòa án thụ lý và giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.1] Nguyên đơn đã cung cấp đầy đủ và đúng địa chỉ, nơi cư trú của bị đơn trong hợp đồng đã ký kết. Tuy nhiên, bị đơn không hợp tác và cố tình lẩn tránh. Theo biên bản xác minh tại nơi cư trú ngày 12 tháng 01 năm 2024 của chính quyền địa phương xác định: Ông Phạm Văn T2 có hộ khẩu và cư trú tại: Tổ dân phố B, phường A, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk, hiện không có mặt tại địa phương, khi đi ông Phạm Văn T2 không trình báo với chính quyền địa phương. Như vậy, có đủ căn cứ để xác định bị đơn thay đổi nơi cư trú gắn với việc thực hiện quyền, nghĩa vụ trong hợp đồng đã ký kết mà không thông báo cho nguyên đơn biết về nơi cư trú mới theo quy định tại khoản 3 Điều 40; khoản 2 Điều 277 của Bộ luật Dân sự là thuộc trường hợp cố tình giấu địa chỉ, nhằm trốn tránh thực hiện nghĩa vụ đối với nguyên đơn. Vì vậy, Tòa án giải quyết vụ án theo thủ tục chung là phù hợp với quy định tại điểm e khoản 1 Điều 192 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 5, Điều 6 của Nghị quyết số: 04/2017/NQ -HĐTP ngày 05 tháng 5 năm 2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

[1.2] Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ các thủ tục tố tụng cho bị đơn để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng vẫn không có mặt. Vì vậy, theo quy định tại khoản 1 Điều 207 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án không tiến hành hòa giải, công khai chứng cứ đối với các đương sự được.

[1.3] Bị đơn được triệu tập hợp lệ lần thứ hai phải có mặt tại phiên tòa, nhưng vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Căn cứ vào khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về nội dung tranh chấp: Mặc dù không ghi nhận được ý kiến của bị đơn về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, vì đương sự lẩn tránh, cố tình giấu địa chỉ, nhằm trốn tránh thực hiện nghĩa vụ đối với nguyên đơn. Tuy nhiên, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thì đã có đủ căn cứ xác định: Vào ngày 19/10/2016 ông Phạm Văn T2 có ký hợp đồng tín dụng với hàng TMCP Đ Chi nhánh Đ1 – Đ (sau đây tắt là D), theo đợt vay số 039337001T18013 với nội dung chi tiết như sau: Tổng hạn mức cấp tín dụng: 20.000.000 VND (Bằng chữ: Hai mươi triệu đồng), lãi suất: 9%/năm, lãi suất quá hạn: 13,5% (Gấp 1,5 lần lãi trong hạn), thời hạn vay: 18 tháng từ 19/10/2016 đến 19/04/2018, mục đích vay: Tiêu dùng, hình thức bảo đảm nợ vay: Tín chấp. Từ lúc vay đến nay ông Phạm Văn T2 trả được cho Ngân hàng số tiền là: 11.430.000đ. Trong đó bao gồm: Tiền gốc là: 9.681.578 đồng, tiền lãi là: 1.748.422 đồng.

[2.1] Trong quá trình thực hiện hợp đồng thì ông Phạm Văn T2 chỉ trả được cho Ngân hàng số tiền 11.430.000đ (trong đó bao gồm: Tiền gốc là 9.681.578 đồng, tiền lãi là 1.748.422 đồng) và sau đó không thực hiện nghĩa vụ trả nợ như điều khoản đã ký kết là vi phạm về nghĩa vụ trả nợ của bên vay được quy định tại khoản 1 Điều 466 của Bộ luật Dân sự và vi phạm đối với Hợp đồng tín dụng đã ký kết nói trên. Do vậy, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc ông Phạm Văn T2 phải có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ số tiền gốc và lãi phát sinh đến ngày 13 tháng 5 năm 2024 là 19.814.236 đồng (Mười chín triệu tám trăm mười bốn ngàn hai trăm ba mươi sáu đồng), trong đó: Nợ gốc 10.318.422 đồng, nợ lãi 9.495.814 đồng, trong đó lãi trong hạn: 951.578 đồng, lãi quá hạn 8.544.236 đồng. Cần buộc ông Phạm Văn T2 phải tiếp tục trả tiền lãi suất phát sinh từ ngày 14 tháng 5 năm 2024 cho đến khi thanh toán hết nợ theo mức lãi suất trong Hợp đồng tín dụng mà các bên đã thỏa thuận.

[3] Về án phí: Do chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, nên cần buộc bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 6; khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 91; khoản 1 Điều 147; điểm e khoản 1 Điều 192; khoản 1 Điều 207; khoản 3 Điều 228; Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ vào khoản 3 Điều 40; khoản 2 Điều 277; Điều 463 và khoản 1 Điều 466 của Bộ luật Dân sự;

- Căn cứ vào các Điều 91, Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

- Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ.

1. Buộc ông Phạm Văn T2 có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ số tiền gốc và lãi suất phát sinh đến ngày xét xử sơ thẩm là 19.814.236 đồng (Mười chín triệu tám trăm mười bốn ngàn hai trăm ba mươi sáu đồng), trong đó: Nợ gốc 10.318.422 đồng, nợ lãi 9.495.814 đồng, trong đó lãi trong hạn: 951.578 đồng, lãi quá hạn 8.544.236 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm ông Phạm Văn T2 tiếp tục phải chịu tiền lãi phát sinh trên nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng đã ký kết cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ.

2. Về án phí: Ông Phạm Văn T2 phải chịu 990.712 đồng (Chín trăm chín mươi nghìn bảy trăm mười hai) đồng án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ số tiền 478.620 đồng (Bốn trăm bảy mươi tám nghìn sáu trăm hai mươi đồng) tạm ứng án phí do bà Huỳnh Thị Yến N nộp tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã Buôn Hồ, theo biên lai số: AA/2021/0018890, ngày 19 tháng 12 năm 2023.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết hợp lệ bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, và 9 Luật Thi hành án dân

sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Bá Nhất